

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2020/DS-PT

Ngày: 01 - 6 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan.
Bà Trần Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Công N, sinh năm 1972; (Có mặt)

Địa chỉ: số 756, đường ĐBL, Khu phố 4, Phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: 1. Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1987; (Có mặt)

2. Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1956; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: số 275, ấp TT, xã TS, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Công N – đại diện theo ủy quyền bà Đoàn Minh T1 trình bày:*

Ông Võ Công N là chủ đại lý thức ăn gia súc thủy sản Mỹ Chánh. Vào ngày 05/7/2011 ông N có ký với anh Đỗ Minh T hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh T mua thức ăn thủy sản của đại lý Mỹ Chánh về để nuôi cá bè tại ấp TT, xã TS, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Giá trị của hợp đồng là 150.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 05/9/2011 và luân phiên đến hạn thanh toán sau 02 tháng. Anh Đỗ Minh T có thể chấp cho ông Võ Công N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00137 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 05/4/2011 cho anh Đỗ Minh T và 05 tờ chủ quyền bè cá số TG 56190-NT, TG 56191-NT, TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT do anh Đỗ Minh T đứng tên. Sau khi ký hợp đồng, ông Võ Công N đã thực hiện đúng thỏa thuận, giao thức ăn thủy sản cho anh T theo đúng hợp đồng. Khi đại lý của ông N giao thức ăn tại bè cá của anh T thì cha của anh T là ông Đỗ Văn H đã nhận thức ăn thủy sản. Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Văn H là người đã trả tiền cho ông N nhưng trả không đầy đủ. Đến ngày 05/9/2011, anh T đã nhận lại bản chính của 02 tờ chủ quyền bè cá và hiện nay ông N chỉ giữ lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T và 03 giấy chủ quyền bè cá số TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT.

Ngày 20/5/2014 hai bên đã tổng kết nợ và ông Đỗ Văn H thừa nhận có nợ ông N số tiền là 138.753.000 đồng và thỏa thuận lãi suất quá hạn là 2%/tháng. Từ khi tổng kết nợ cho đến nay anh Đỗ Minh T và ông Đỗ Văn H không trả nợ cho ông Võ Công N. Ông Võ Công N yêu cầu anh Đỗ Minh T và ông Đỗ Văn H liên đới trả cho ông N số tiền 138.753.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn là 1,125%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 20/5/2014 cho đến khi Tòa án đưa ra xét xử. Khi anh T và ông H thanh toán đủ tiền cho ông Võ Công N thì ông N sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00137 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Đỗ Minh T ngày 05/4/2011 và 03 giấy chủ quyền bè cá số TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/06/2019 và tại Biên bản hòa giải ngày 20/06/2019, nguyên đơn ông Võ Công N – đại diện theo ủy quyền bà Đoàn Minh T1 trình bày: Ngày 27/04/2012, hai bên tổng kết số nợ và ông Đỗ Văn H thừa nhận có nợ ông N số tiền vốn 121.699.000 đồng và thỏa thuận 01 tháng sau sẽ trả số tiền nợ cho ông N. Nhưng từ khi hai bên tổng kết số tiền nợ hợp đồng mua bán thức ăn cá cho đến nay thì anh Đỗ Minh T và ông Đỗ Văn H chưa trả khoản tiền vốn lãi nào cho ông N. Nay ông Võ Công N yêu cầu anh Đỗ Minh T và ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn 121.699.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2013 cho đến ngày xét xử. Trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Khi anh T và ông H thanh toán đủ tiền cho ông Võ Công N thì ông N sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00137 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Đỗ Minh T ngày 05/4/2011 và 03 giấy chủ quyền bè cá số TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT.

** Bị đơn anh Đỗ Minh T trình bày:*

Ngày 05/7/2011 anh Đỗ Minh T có ký với ông Võ Công N hợp đồng mua bán thức ăn để nuôi cá bè. Chữ ký trong hợp đồng mua bán thức ăn nguyên đơn cung cấp là của anh T. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh T mua thức ăn thủy sản của đại lý Mỹ Chánh của ông N về để nuôi cá bè tại ấp TT, xã TS, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Giá trị của hợp đồng là 150.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 05/9/2011 và luân phiên đến hạn thanh toán sau 02 tháng.

Anh T có thể chấp cho ông N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00137 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho anh Đỗ Minh T ngày 05/4/2011 và 05 tờ chủ quyền bè cá số TG 56190-NT, TG 56191-NT, TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT do anh Đỗ Minh T đứng tên.

Khi đại lý của ông N giao thức ăn tại bè cá của anh T thì cha của anh T là ông Đỗ Văn H đã nhận thức ăn thủy sản. Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng ông Đỗ Văn H là người đã trả tiền cho ông N nhưng trả không đầy đủ. Đến ngày 05/9/2011, anh T đã nhận lại bản chính của 02 tờ chủ quyền bè cá và hiện nay ông N chỉ giữ lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T và 03 giấy chủ quyền bè cá số TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT.

Nay ông Võ Công N yêu cầu anh Đỗ Minh T và ông Đỗ Văn H liên đới trả cho ông N số tiền 138.753.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn là 1,125%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 20/5/2014 cho đến khi Tòa án đưa ra xét xử thì anh Đỗ Minh T đồng ý trả vốn là 121.699.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Anh T xin trả dần sáu tháng trả một lần cho đến khi trả hết.

Khi anh Đỗ Minh T và ông Đỗ Văn H thanh toán đủ tiền cho ông Võ Công N thì yêu cầu ông N sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00137 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho anh Đỗ Minh T ngày 05/4/2011 và 03 giấy chủ quyền bè cá số TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT.

** Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày:*

Ông Đỗ Văn H thống nhất với phần trình bày của anh Đỗ Minh T. Khi đại lý của ông Võ Công N giao thức ăn tại bè cá của anh T thì ông Đỗ Văn H đã nhận thức ăn thủy sản. Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng ông H là người đã trả tiền cho ông N nhưng trả không đầy đủ.

Nay ông Võ Công N yêu cầu anh Đỗ Minh T và ông Đỗ Văn H liên đới trả cho ông N số tiền 138.753.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn là 1,125%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 20/5/2014 cho đến khi Tòa án đưa ra xét xử, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật thì ông Đỗ Văn H đồng ý trả vốn là 121.699.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Ông H xin trả dần sáu tháng trả một lần cho đến khi trả hết.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/06/2019, ông Đỗ Văn H trình bày: Ông Võ Công N yêu cầu anh Đỗ Minh T và ông H liên đới trả cho ông N số tiền vốn 121.699.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,125%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 01/01/2013 cho đến khi Tòa án đưa ra xét xử, trả một lần khi án

có hiệu lực pháp luật thì ông H đồng ý trả vốn là 121.699.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Thời hạn trả sẽ thương lượng lại với anh T rồi mới quyết định được.

Khi anh T và ông H thanh toán đủ tiền cho ông N thì yêu cầu ông N sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00137 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho anh Đỗ Minh T ngày 05/4/2011 và 03 giấy chủ quyền bề cá số TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166, điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Công N. Buộc anh Đỗ Minh T, ông Đỗ Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Võ Công N số tiền 231.091.188 đồng (gồm nợ gốc 121.699.000 đồng và tiền lãi 109.392.188 đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Công N khi ông Nhận đủ số tiền nợ thì ông N trả lại anh Đỗ Minh T 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00137 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 05/4/2011 cho anh Đỗ Minh T và 03 giấy chủ quyền bề cá số TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT.

2. Về án phí: Anh Đỗ Minh T, ông Đỗ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.554.559 đồng.

Ông Võ Công N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là số 5.732.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014018 ngày 01 tháng 04 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 11 tháng 9 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không buộc ông phải hoàn trả tổng cộng số tiền 232.000.000 đồng cho ông N, không buộc ông trả tiền lãi 100.000.000 đồng vì đây là tiền mua bán thức ăn trong khi làm ăn mua bán với ông N. Ông đồng ý trả một phần tiền gốc 132.000.000 đồng cho ông N ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, ông H, anh T yêu cầu trả tiền nợ gốc 121.699.000 đồng, không đồng ý trả lãi 109.392.188 đồng.

Ông N đồng ý cho ông H, anh T trả nợ gốc và 40.000.000 đồng tiền lãi, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh, phía ông N không đồng ý. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N đồng ý cho ông H, anh T trả số tiền nợ gốc và tiền lãi 40.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, ghi nhận sự tự nguyện của ông N cho ông H, anh T trả lãi 40.000.000 đồng. Sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Võ Công N và bị đơn anh Đỗ Minh T, ông Đỗ Văn H thống nhất có quan hệ mua bán với nhau và có ký Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi cá ngày 05/7/2011 giữa Đại lý thức ăn thủy sản Mỹ Chánh (do ông N đại diện) với anh Đỗ Minh T. Ông Đỗ Văn H (cha anh T) là người trực tiếp giao dịch nhận thức ăn thủy sản và trực tiếp trả tiền, ký tên biên nhận hóa đơn bán hàng từ ngày 06/7/2011 đến ngày 19/4/2012. Đến ngày 27/4/2012, giữa ông N và ông H thống nhất tổng kết số nợ gốc là 121.699.000 đồng. Ngày 20/5/2014 hai bên viết biên nhận nợ và thỏa thuận lãi 2%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Sau đó, phía anh T, ông H vẫn không trả nợ gốc và lãi. Ông N khởi kiện yêu cầu anh T, ông H trả số tiền vốn 121.699.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông N là có cơ sở.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn H yêu cầu trả tiền nợ gốc 121.699.000 đồng, không đồng ý trả lãi số tiền là 109.392.188 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Sau khi tổng kết nợ mua bán 121.699.000 đồng, hai bên viết biên nhận nợ ngày 20/5/2014, thỏa thuận lãi 2%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả. Như vậy, các bên đã thỏa thuận từ nợ mua bán sang hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất, nên cần áp dụng khoản 2 điều 469 Bộ luật Dân sự để giải quyết. Việc Tòa cấp sơ thẩm áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản” là không chính xác.

[2.2] Phía anh T, ông H thừa nhận ông N đòi nhiều lần, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng ông N không đồng ý. Như vậy, thể hiện ông N có thông báo yêu cầu trả nợ và lãi nhưng anh Toàn, ông H không thực hiện, nên ông N khởi kiện là có cơ sở và còn thời hiệu khởi kiện.

[2.3] Theo lãi suất: Án sơ thẩm tính và buộc ông H, anh T trả tiền lãi 109.392.188 đồng là chưa chính xác. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông N tự nguyện yêu cầu anh T, ông H trả tiền lãi 40.000.000 đồng là có lợi cho anh T, ông H, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn H, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn H không được chấp nhận, nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn H.

Sửa bản án sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Phân tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Công N.

Buộc anh Đỗ Minh T, ông Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Công N số tiền 161.699.000 đồng (trong đó, vốn gốc 121.699.000 đồng, tiền lãi 40.000.000 đồng).

Thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Công N trả lại anh Đỗ Minh T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00137 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 05/4/2011 cho anh Đỗ Minh T và 03 giấy chủ quyền bề cá số TG 56192-NT, TG 56193-NT và TG 56194-NT khi ông H, anh T trả đủ số tiền nợ trên cho ông N.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Anh Đỗ Minh T, ông Đỗ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.084.950 đồng.

Ông Võ Công N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.732.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014018 ngày 01 tháng 04 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0000392 ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thành phố M, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2020-T

Lê Thanh Toàn